

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2024
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tân

Ông Liêu Trinh Húy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Kiều L, sinh năm 1981. (vắng mặt, có đơn)

Địa chỉ: Ấp X, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D: Bà Lâm Thị Hằng N – Luật sư V. (vắng mặt, có đơn)

Địa chỉ: Số A, ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Danh T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 03/5/2024 nguyên đơn chị **Lâm Thị Kiều L**, trình bày: Chị và anh **Danh T** có tổ chức tiệc cưới năm 2001 và có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên về sau phát sinh mâu thuẫn, cãi vã đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Chị **L** yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh **Danh T**. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh **T** có 04 người con chung tên **Danh Thị M**, sinh ngày 02/7/2001, **Danh Thị D1**, sinh ngày 11/06/2004, **Danh Thị T1**, sinh ngày 19/11/2007 và **Danh Thành Đ**, sinh ngày 27/06/2014. Sau khi ly hôn đối với con chung tên **Danh Thị M** và **Danh Thị D1** đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết con 02 con chung **Danh Thị T1**, sinh ngày 19/11/2007 và **Danh Thành Đ**, sinh ngày 27/06/2014 chị **H** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu cầu xem xét giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **D2** Tuấn gia đình anh **T** đều nhận được sau đó thông báo lại cho anh **T**, anh **T** đã biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn nhưng vẫn vắng mặt không trình bày ý kiến. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng việc lấy lời khai của mẹ ruột anh **T**. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/6/2024 bà **Dương Thị Ly k** như sau: Bà có nhận các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án thay cho **T** và có báo lại cho **T** biết, **T** cũng đồng ý ly hôn với **L** nhưng do bận công việc không về được.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích, hợp pháp của nguyên đơn chị **Lâm Thị Kiều L** là bà **Lâm Thị Hằng N** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng có bài bảo vệ gửi cho Tòa án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Nguyên đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lâm Thị Hồng L1**, cho chị **L1** được ly hôn anh **Danh T**. Về án phí: Nguyên đơn chị **L1** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Lâm Thị Hồng L1** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Danh T** được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết. Do vậy, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị **L1** và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Đ1** được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lâm Thị Hồng L1** và anh **Danh T** tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại **UBND xã C, huyện T** vào ngày 28/10/2009. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn chị **L1** và anh **T** chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã không thể hàn gắn nên chị **L1** xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh **T** có biết việc chị **L1** xin ly hôn nhưng anh **T** không đến Tòa án làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm thì có thể thấy anh **T** không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng cho thấy mục đích hôn nhân đã không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho chị **L1** được ly hôn anh **T** là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[3] Về con chung: Chị **Lâm Thị Kiều L** và anh **Danh T** có 04 người con chung tên **Danh Thị M**, sinh ngày 02/7/2001, **Danh Thị D1**, sinh ngày 11/06/2004, **Danh Thị T1**, sinh ngày 19/11/2007 và **Danh Thành Đ**, sinh ngày 27/06/2014. 02 con chung tên

Danh Thị M và Danh Thị D1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn 02 con chung Danh Thị T1, sinh ngày 19/11/2007 và Danh Thành Đ, sinh ngày 27/06/2014 chị H có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và cả 02 cháu đều có nguyện vọng sống với chị L do từ trước đến nay 02 cháu đều sống với mẹ, trong quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến về việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Danh Thị T1, và Danh Thành Đ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Danh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, chị Lâm Thị Hồng L1 khẳng định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị D3 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 ; khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Kiều L được ly hôn với anh Danh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên **Danh Thị T1**, sinh ngày 19/11/2007 và **Danh Thành Đ**, sinh ngày 27/06/2014 cho chị **Lâm Thị Kiều L** trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh **Danh T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được phép cản trở anh **T** thực giện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị **Lâm Thị Kiều L** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003891 ngày 03/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng. Anh **Danh T** không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- UBND xã Châu Hưng, huyện Thanh Trì (Số 131/2009 ngày 28/10/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Kha